TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯM'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 28/2018/DSST
Ngày 29-11-2018
V/v:" *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐĂK LĂK

Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Hiền.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Cao Thị Hồng Châu.

2. Bà H' Giang Niê.

- *Thư ký ghi biên bản phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Nguyệt –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa*: Ông Trần Quốc T - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ L số 203/2018/TLST-DS, ngày 19 tháng 7 năm 2018, về việc " *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2018/QĐST- DS, ngày 08 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2918,giữa các đương sự:

-***Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Văn T, bà Ninh Thị L (có mặt)

- ***Bị đơn:*** Ông Y T Byă, bà H' B Niê; bà H' M Niê (vắng mặt)

- ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*** ông Y D Niê (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Buôn Ea sang xã Ea H'Đ, huyện Cư M'gar, tỉnh Đăk Lăk.

- ***Người làm chứng***: Bà Nguyễn Thị L (có mặt)

Trú tại; thôn 1, xã Ea H'Đ, huyện C, tỉnh Đăk Lăk

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:

Ngày 04/10/2017 qua sự giới thiệu của bà L vợ chồng ông có cho vợ chồng ông Y T Byă và H' B Niê vay số tiền là 380.000.000đ, lãi suất thỏa thuận. Hẹn trong vòng 05 ngày trả cho ông cả gốc và lãi. Nhưng đến hạn bên vay không trả được, đến ngày 07/01/2018 các bên thống nhất viết lại giấy cam kết. Bên vay tiếp tục hứa sẽ trả đủ tiền cho vợ chồng ông trong hạn 15 ngày kể từ ngày 07/01/2018 nhưng đến nay chưa trả, nay ông yêu cầu Tòa án buộc vợ chông ông Y T và bà H' B trả 380.000.000đ tiền gốc và tiền lãi theo mức 1%/ tháng/số nợ gốc kể từ ngày 07/01/2018 cho đến ngày xét xử là 10 tháng 22 ngảy nhưng chỉ tính lãi 10 tháng. Chữ ký dưới mục người cam kết trong giấy cam kết ông giao nộp cho Tòa án là do vợ chồng Y T Byă và H' B Niê ký và viết.

Cuối tháng 3/2018 vợ chồng ông có cho vợ chồng H' M vay 15.000.000đ. giấy vay tiền mà tôi giao nộp cho Tòa án là do H' M viết và kí tên. Hai bên không thỏa thuận lãi suất, hẹn mấy ngày sau trả cho ông nhưng đến nay chưa trả. Nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng H'M Niê phải trả cho ông số tiền gốc là 15.000.000đ và lãi suất theo mức 1%/tháng/số nợ gốc kể từ ngày 01/4/2018 cho đến ngày xét xử là 7 tháng 29 ngày nhưng chỉ tính lãi 07 tháng. Giấy vay tiền ông giao nộp cho Tòa án là do H'M Niê ký và viết.

Trong bản bản tự khai và quá trình hòa giải bị đơn H'B Niê, Y T Byă trình bày:

Ông, bà công nhận ngày 04/10/2017 vợ chồng ông bà có vay số tiền 380.000.000đ của vợ chồng ông T như ông T đã trình bày. Khi vay ông, bà nhận tiền trực tiếp từ bà L, thỏa thuận lãi suất là 3000đ/1 triệu/ ngày. Sau đó ông, bà đã trả được cho bà L 50.000.000đ tiền gốc và một số tiền lãi theo thỏa thuận nhưng hiện tại ông, bà không có chứng cứ gì cung cấp cho Tòa án. Đến ngày 07/01/2018 vợ chồng ông, bà đã kí vào giấy cam kết là sẽ trả cho ông T 380.000.000đ trong thời hạn 15 ngày. Nhưng đến nay vợ chồng ông, bà chưa trả cho ông T được khoản nào. Nay ông T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông, bà phải trả 380.000.000đ tiền gốc và tiền lãi theo mức 1%/tháng thì vợ chồng ông đồng ý. Nhưng vì điều kiện kinh tế khó khăn nên vợ chồng ông mong muốn vợ chồng ông T cho trả dần.

Trong bản bản tự khai và quá trình hòa giải bị đơn H M trình bày:

Bà công nhận vợ chồng bà có vay của ông T 15.000.000đ vào cuối tháng 3/2018 đến nay chưa trả được. Giấy vay tiền ông T cung cấp cho Tòa án là do bà viết và kí tên. Khi vay hai bên không có thỏa thuận về lãi suất. Nay ông T khởi kiện thì vợ chồng bà đồng ý trả tiền gốc là 15.000.000đ, tiền lãi theo mức 1%/ tháng tính từ ngày 01/4/2018 cho ông T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Y D Niê trình bày: Ông là chồng của H M**,** ông thống nhất với ý kiến H M, ông không có ý kiến gì bổ sung.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà quen biết ông Nguyễn Văn T, bà Ninh Thị L nên ngày 04/10/2017 bà có giới thiệu Y T Byă, H' B Niê với ông Nguyễn Văn T, bà Ninh Thị L để vay số tiền là 380.000.000đ đúng như nội dung giấy cam kết ông T xuất trình cho Tòa án. Chữ viết dưới mục người làm chứng trong giấy cam kết đúng là chữ viết của bà. Bà không có tiền để cho vợ chồng ông Y T Byă vay, đó là tiền của ông T, bà L cho vay, bà chỉ là người giới thiệu và chứng kiến việc vay tiên giữa các bên. Bà không có liên quan gì đến số tiền vay giữa các bên.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với đương sự:

Nguyên đơn: Thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70; Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70; Điều 72, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Về quan hệ pháp luật tranh chấp đây là quan hệ về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Việc vay tiền giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật về nội dung và hình thức. Đến hạn trả nợ người vay không trả được nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

Căn cứ các Điều 463; Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét quyết định.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đến Tòa án tham gia đầy đủ trong quá trình tố tụng dù đã được tống đạt hợp lệ nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CưM’gar.

[3] Về nội dung vụ án: Trong bản tự khai và biên bản hòa giải bà H’B Niê, ông Y T Byă, bà H M Niê, ông Y D Niê thừa nhận có vay của vợ chồng ông T số tiền như ông T khởi kiện và đồng ý trả lãi suất cho vợ chồng ông T theo mức như ông T yêu cầu.

Xét việc vay tiền giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Đến hạn trả nợ người vay không trả được nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về thời gian tính lãi, về mức lãi suất là phù hợp với pháp luật nên căn cứ các Điều 463; Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông Y T Byă, bà H M Niê phải trả cho cho ông Nguyễn Văn T, bà Ninh Thị L số tiền gốc là 380.000.000đ; tiền lãi tiền lãi theo mức 1%/ tháng /số nợ gốc kể từ ngày 07/01/2018 cho đến ngày xét xử là 10 tháng 22 ngày nhưng chỉ tính lãi 10 tháng là 38.000.000đ. Tổng cả gốc và lãi là 418.000.000đ.

Bà H’ M Niê, ông Y D Niê phải trả cho ông Nguyễn Văn T, bà Ninh Thị L số tiền gốc là 15.000.000đ; tiền lãi theo mức 1%/tháng/số nợ gốc kể từ ngày 01/4/2018 cho đến ngày xét xử là 7 tháng 29 ngày nhưng chỉ tính lãi 7 tháng là 1.050.000đ. Tổng cả gốc và lãi là 16.050.000đ**.**

[4] Về án phí sơ thẩm : Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35,điểm a khoản 1 điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng Nghị quyết 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Y T Byă, Bà H' B Niê phải trả cho ông Nguyễn Văn T, bà Ninh Thị L số tiền là 418.000.000đ (bốn trăm mười tám triệu đồng) trong đó nợ gốc là 380.000.000đ (ba trăm tám mươi triệu đồng) nợ lãi là 38.000.000đ (ba mươi tám triệu đồng).

Buộc bà H' M Niê, ông Y D Niê phải trả cho ông Nguyễn Văn T, bà Ninh Thị L số tiền là 16.050.000đ (mười sáu triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) trong đó tiền gốc là 15.000.000đ, tiền lãi 1.050,000đ.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án khi người được thi hành án có đơn yêu cầu.

[2] **Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 9.875.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0006684, ngày 19/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đăk Lăk.

- Ông Y T Byă, Bà H' B Niê phải chịu 20.720.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà H' M Niê, ông Y D Niê phải chịu 802.500đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Đăk Lăk;*
- *TAND tỉnh Đăk Lăk;*
- *VKSND huyện Cư M'gar;*
- *CCTHADS huyện Cư M'gar;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, VPCQ;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Hiền